

Sức khỏe bằng tiếng Đức

162 từ, từ cơ bản đến nâng cao.

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
1	Tropfen A2 <i>/ˈtʁɔp͡fən/</i> der · số nhiều die Tropfen	Thuốc nhỏ	B1–B2
2	die Spritze A2 <i>/diː ˈʃpʁɪtsə/</i> số nhiều die Spritzen	Ống tiêm	B1–B2
3	die Untersuchung A2 <i>/diː ʊntɐˈzuːxʊŋ/</i> số nhiều die Untersuchungen	Khám bệnh	B1–B2
4	der Blutdruck B1 <i>/deːɐ̯ ˈbluːtˌdʁʊk/</i>	Huyết áp	B1–B2
5	der Schnupfen A2 <i>/deːɐ̯ ˈʃnʊpfən/</i> số nhiều die Schnupfen	Sổ mũi	B1–B2
6	die Entzündung B1 <i>/diː ɛntˈtsʏndʊŋ/</i> số nhiều die Entzündungen	Viêm	B1–B2
7	der Gips B1 <i>/deːɐ̯ ˈɡɪps/</i> số nhiều die Gipse	Bó bột	B1–B2
8	der Arzt A1 <i>/deːɐ̯ ˈaːɐ̯tst/</i> số nhiều die Ärzte	Bác sĩ	A1–A2
9	die Kontraindikation C1 <i>/diː ˈkɔntʁaʔɪndikaˌt͡sjoːn/</i> số nhiều die Kontraindikationen	Chống chỉ định	C1
10	die Ergotherapie C1 <i>/diː ˌɛʁɡotɐʁaˈpiː/</i> số nhiều die Ergotherapien	Hoạt động trị liệu	C1
11	der Herzschrittmacher B2 <i>/deːɐ̯ ˈhɛʁtsˌʃʁɪtmachɐ/</i> số nhiều die Herzschrittmacher	Máy tạo nhịp tim	C1
12	die Kardiologie C1 <i>/diː kaʁdʲoloˈɡiː/</i>	Tim mạch	C1
13	die Neurologie C1 <i>/diː nɔʁ̩loˈɡiː/</i>	Thần kinh học	C1
14	die Onkologie C1 <i>/diː ʔɔŋkoloˈɡiː/</i>	Ung thư học	C1
15	die Pädiatrie C1 <i>/diː pɛdʲaˈtʁiː/</i>	Nhi khoa	C1
16	Krank A1 <i>/kʁaŋk/</i>	Đau ốm	A1–A2
17	der Sekundenschlaf B2 <i>/deːɐ̯ zeˈkʊndn̩ˌʃlaːf/</i>	Ngủ gật chớp nhoáng	C1

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
18	die Apotheke A1 <i>/di: apo'te:kə/</i> số nhiều die Apotheken	Nhà thuốc	A1–A2
19	das Krankenhaus A1 <i>/das 'kʁaŋkŋ,haʊs/</i> số nhiều die Krankenhäuser	Bệnh viện	A1–A2
20	die Anästhesie C1 <i>/di: aneste'zi:/</i> số nhiều die Anästhesien	Gây mê	C1
21	die Lokalanästhesie C1 <i>/di: lo'ka:lʔaneste,zi:/</i> số nhiều die Lokalanästhesien	Gây tê tại chỗ	C1
22	die Hypertonie C1 <i>/di: hypeto'ni:/</i> số nhiều die Hypertonien	Tăng huyết áp	C1
23	die Hypotonie C1 <i>/di: hypoto'ni:/</i> số nhiều die Hypotonien	Hạ huyết áp	C1
24	die Embolie C1 <i>/di: embo'li:/</i> số nhiều die Embolien	Thuyên tắc	C1
25	die Thrombose C1 <i>/di: tʁɔm'bo:zə/</i> số nhiều die Thrombosen	Huyết khối	C1
26	die Bestrahlung B2 <i>/di: bæ'ʃtʁa:lʊŋ/</i> số nhiều die Bestrahlungen	Chiếu xạ	C1
27	die Ärztin A1 <i>/di: 'ʔɛ:ɐ̯tstɪn/</i> số nhiều die Ärztinnen	Bác sĩ	A1–A2
28	die Metastase C1 <i>/di: meta'sta:zə/</i> số nhiều die Metastasen	Di căn	C1
29	das Hospiz C1 <i>/das hɔs'pi:ts/</i> số nhiều die Hospize	Nhà chăm sóc cuối đời	C1
30	die Palliativmedizin C1 <i>/di: paljə'ti:fmedi,tʃi:n/</i>	Y học giảm nhẹ	C1
31	die Krankenschwester A1 <i>/di: 'kʁaŋkən,ʃvɛste/</i> số nhiều die Krankenschwestern	Y tá	A1–A2
32	die Arbeitsunfähigkeit B2 <i>/di: 'aʁbaɪtsʔʊn,fɛ:ɪçkaɪt/</i>	Không có khả năng làm việc	C1
33	die Selbstmedikation C1 <i>/di: 'zɛlpstmedika,tʃjo:n/</i>	Tự dùng thuốc	C1
34	die Gynäkologie C1 <i>/di: gynɛkolo'gi:/</i>	Phụ khoa	C1

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
35	die Urologie C1 <i>/di: ʊʁolo'gi:/</i>	Tiết niệu	C1
36	die Dermatologie C1 <i>/di: dɛʁmatolo'gi:/</i>	Da liễu	C1
37	die Radiologie B2 <i>/di: ʁadʝolo'gi:/</i>	Khoa X quang	C1
38	die Immunologie C1 <i>/di: ʔimunolo'gi:/</i>	Miễn dịch học	C1
39	die Pathologie C1 <i>/di: patolo'gi:/</i>	Bệnh lý học	C1
40	die Epidemiologie C1 <i>/di: epidemiolo'gi:/</i>	Dịch tễ học	C1
41	die Tiefschlafphase B2 <i>/di: 'ti:fʃla:f,fa:zə/</i> số nhiều die Tiefschlafphasen	Giai đoạn ngủ sâu	C1
42	das Röntgen B1 <i>/das 'ʁœntgən/</i>	Chụp X-quang	B1-B2
43	der Ultraschall B2 <i>/de:ɐ̯ 'ʊltʁa,ʃal/</i>	Siêu âm	B1-B2
44	die Praxis A2 <i>/di: 'pʁaksɪs/</i> số nhiều die Praxen	Phòng khám	B1-B2
45	der Impfpass B1 <i>/de:ɐ̯ 'ɪmpf,pas/</i> số nhiều die Impfpässe	Giấy chứng nhận tiêm chủng	B1-B2
46	die Impfung B1 <i>/di: 'ʔɪmpfʊŋ/</i> số nhiều die Impfungen	Tiêm chủng	B1-B2
47	das Medikament A2 <i>/das medika'ment/</i> số nhiều die Medikamente	Thuốc	A1-A2
48	die Handschuhe A1 <i>/di: 'hant,ʃu:ə/</i>	Một đôi găng tay	A1-A2
49	das Pflaster A2 <i>/das 'pflaste/</i> số nhiều die Pflaster	Băng dán cá nhân	B1-B2
50	der Verband B1 <i>/de:ɐ̯ fɛɐ̯'bant/</i> số nhiều die Verbände	Băng gạc	B1-B2
51	die Salbe A2 <i>/di: 'zalbə/</i> số nhiều die Salben	Thuốc mỡ	B1-B2
52	die Narkose B2 <i>/di: naʁ'ko:zə/</i> số nhiều die Narkosen	Gây mê toàn thân	B1-B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
53	die Operation B1 <i>/di: ʔopəʁə'tsjɔ:n/</i> số nhiều die Operationen	Ca mổ	B1–B2
54	Rezeptfrei B1 <i>/ʁe'tsept,fʁaɪ/</i>	Không cần kê đơn	B1–B2
55	das Vakzin C1 <i>/das vak'tsi:n/</i> số nhiều die Vakzine	Vắc-xin	C1
56	die Dialyse C1 <i>/di: dia'ly:zə/</i> số nhiều die Dialysen	Thẩm phân	C1
57	die Transplantation C1 <i>/di: tʁansplanta'tsjɔ:n/</i> số nhiều die Transplantationen	Ca ghép tạng	C1
58	der Notfall A2 <i>/de:g 'no:t,fal/</i> số nhiều die Notfälle	Trường hợp khẩn cấp	B1–B2
59	die Notaufnahme B1 <i>/di: 'no:t,ʔaʁfna:mə/</i> số nhiều die Notaufnahmen	Phòng cấp cứu	B1–B2
60	die Krankenkasse A2 <i>/di: 'kʁaŋkən,kasə/</i> số nhiều die Krankenkassen	quỹ bảo hiểm y tế	B1–B2
61	die Entspannung B1 <i>/di: ent'ʃpanʊŋ/</i> số nhiều die Entspannungen	Sự thư giãn	B1–B2
62	die Blutprobe B1 <i>/di: 'blu:t,pʁo:bə/</i> số nhiều die Blutproben	Mẫu máu	B1–B2
63	die Physiotherapie B1 <i>/di: fyziɔtɛʁə'pi:/</i> số nhiều die Physiotherapien	Vật lý trị liệu	B1–B2
64	die Endokrinologie C2 <i>/di: endokʁinolo'gi:/</i>	Nội tiết học	C1
65	die Hämatologie C2 <i>/di: hɛmatolo'gi:/</i>	Huyết học	C1
66	das Antibiotikum B1 <i>/das antibi'o:tikʊm/</i> số nhiều die Antibiotika	Thuốc kháng sinh	B1–B2
67	die Blutkonserve B2 <i>/di: 'blu:tkɔŋ,zɛʁvə/</i> số nhiều die Blutkonserven	Túi máu dự trữ	C1
68	die Verletzung B1 <i>/di: fɛʁ'leʦʊŋ/</i> số nhiều die Verletzungen	Chấn thương	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
69	die Nebenwirkung B1 <i>/di: 'ne:bŋ,viʁkʊŋ/</i> số nhiều die Nebenwirkungen	Tác dụng phụ	B1–B2
70	die Liposuktion C1 <i>/di: lipozʊk'ʦʊjo:n/</i> số nhiều die Liposuktionen	Hút mỡ	C1
71	die Tablette A2 <i>/di: ta'blɛtə/</i> số nhiều die Tabletten	Viên nén	A1–A2
72	das Rezept A2 <i>/das ʁɛ'tsɛpt/</i> số nhiều die Rezepte	Đơn thuốc	A1–A2
73	das Fieber A2 <i>/das 'fi:bɐ/</i>	Sốt	A1–A2
74	der Husten A2 <i>/de:ɐ̯ 'hu:stŋ/</i>	Ho	A1–A2
75	der Schmerz A2 <i>/de:ɐ̯ 'ʃmɛʁʦ/</i> số nhiều die Schmerzen	Cơn đau	A1–A2
76	die Kopfschmerzen A1 <i>/di: 'kɔpf,ʃmɛʁtsŋ/</i>	Đau đầu	A1–A2
77	die Bauchschmerzen A2 <i>/di: 'baʊx,ʃmɛʁtsən/</i>	Đau bụng	A1–A2
78	der Psychologe B1 <i>/de:ɐ̯ psyçɔ'lo:gə/</i> số nhiều die Psychologen	Nhà tâm lý học	B1–B2
79	der Termin A1 <i>/de:ɐ̯ tɛʁ'mi:n/</i> số nhiều die Termine	lịch hẹn	A1–A2
80	Powernap B2 <i>/'paʁɐ,nɛp/</i> der · số nhiều die Powernaps	Giấc ngủ ngắn	B1–B2
81	die Dermabrasion C2 <i>/di: dɛʁmabʁa'zʊo:n/</i> số nhiều die Dermabrasionen	Mài mòn da	C1
82	die Rhinoplastik C2 <i>/di: ʁi: no'plastɪk/</i> số nhiều die Rhinoplastiken	Phẫu thuật mũi	C1
83	der Blutzucker B2 <i>/de:ɐ̯ 'blu:t,tʊkɐ/</i>	Đường huyết	B1–B2
84	das Asthma B1 <i>/das 'ʔastma/</i>	Hen suyễn	B1–B2
85	die Krankmeldung B1 <i>/di: 'kʁaŋk,mɛldʊŋ/</i> số nhiều die Krankmeldungen	Giấy báo ốm	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
86	COPD C1 <i>/tse: ʔo: pe: 'de:/</i> die	Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	C1
87	die Maske A2 <i>/di: 'maskə/</i> số nhiều die Masken	Mặt nạ	A1-A2
88	die Genesung B2 <i>/di: gə'ne:zʊŋ/</i>	Sự bình phục sức khỏe	B1-B2
89	die Pflege B1 <i>/di: 'pfle:gə/</i>	Chăm sóc	B1-B2
90	Chronisch B2 <i>/'kʁo:nɪʃ/</i>	Mãn tính	B1-B2
91	Heilbar B2 <i>/'haɪlba:r/</i>	Có thể chữa khỏi	B1-B2
92	der Herzinfarkt B1 <i>/de:g 'hɛʁtsʔɪn,fɑʁkt/</i> số nhiều die Herzinfarkte	Đau tim	B1-B2
93	der Schlaganfall B2 <i>/de:g 'ʃla:k,ʔanfəl/</i> số nhiều die Schlaganfälle	Đột quỵ	B1-B2
94	die Diagnose B2 <i>/di: dia'ɡno:zə/</i> số nhiều die Diagnosen	Chẩn đoán	B1-B2
95	die Therapie B1 <i>/di: tɛʁa'pi:/</i> số nhiều die Therapien	Liệu pháp	B1-B2
96	die Krankenversicherung A2 <i>/di: 'kʁaŋkənʃɛʁ,zɪʒəʁʃʊŋ/</i> số nhiều die Krankenversicherungen	Bảo hiểm y tế	B1-B2
97	der Diabetes B1 <i>/de:g dia'be:tɛs/</i>	Bệnh tiểu đường	B1-B2
98	die Diät B1 <i>/di: di'ʔɛ:t/</i> số nhiều die Diäten	Ăn kiêng	A1-A2
99	der Psychiater B2 <i>/de:g psy'çja:tɐ/</i> số nhiều die Psychiater	Bác sĩ tâm thần	B1-B2
100	der Krebs B1 <i>/de:g 'krɛ:ps/</i>	Bệnh ung thư	B1-B2
101	die Hygiene B1 <i>/di: hy'ɡje:nə/</i>	Vệ sinh	B1-B2
102	die Gesundheit A1 <i>/di: gə'zʊnthʏt/</i>	Sức khỏe	A1-A2
103	die Infektion B2 <i>/di: ʔɪnfɛk'tʃjo:n/</i> số nhiều die Infektionen	Sự nhiễm trùng	B1-B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
104	die Erkältung A2 <i>/di: ɛɐ̯'kɛltʊŋ/</i> số nhiều die Erkältungen	Cảm lạnh	A1-A2
105	die Grippe A2 <i>/di: 'ɡʁɪpə/</i>	Cúm	A1-A2
106	die Allergie A2 <i>/di: alɛʁ'ɡi:/</i> số nhiều die Allergien	Dị ứng	A1-A2
107	Gesund A1 <i>/ɡə'zʊnt/</i>	Khỏe mạnh	A1-A2
108	das Gewicht A2 <i>/das ɡə'vɪçt/</i> số nhiều die Gewichte	Cân nặng	A1-A2
109	die Vitamine A2 <i>/di: vita'mi:nə/</i>	Vitamin	A1-A2
110	der Schlaf A2 <i>/de:ɐ̯ 'ʃla:f/</i>	Giấc ngủ	A1-A2
111	die Schönheitsoperation B2 <i>/di: 'ʃø:nhaɪtsʔopeʁa,tʃjo:n/</i> số nhiều die Schönheitsoperationen	Phẫu thuật thẩm mỹ	B1-B2
112	der Zahnarzt A1 <i>/de:ɐ̯ 'tsa:n,ʔa:ɐ̯tst/</i> số nhiều die Zahnärzte	Nha sĩ	A1-A2
113	der Stress A2 <i>/de:ɐ̯ 'ʃtʁɛs/</i>	Sự căng thẳng	A1-A2
114	die Seife A1 <i>/di: 'zai̯fə/</i> số nhiều die Seifen	Xà phòng	A1-A2
115	das Virus B1 <i>/das 'vi:vʊs/</i> số nhiều die Viren	Vi-rút	A1-A2
116	der Patient A2 <i>/de:ɐ̯ pa'tʃjɛnt/</i> số nhiều die Patienten	Bệnh nhân	A1-A2
117	die Wunde B1 <i>/di: 'vʊndə/</i> số nhiều die Wunden	Vết thương	A1-A2
118	die Kontrolle A2 <i>/di: kɔn'tʁɔlə/</i> số nhiều die Kontrollen	Khám kiểm tra	A1-A2
119	der Katheter C1 <i>/de:ɐ̯ ka'te:tə/</i> số nhiều die Katheter	Ống thông	C1
120	die Kanüle C1 <i>/di: ka'ny:lə/</i> số nhiều die Kanülen	Kim luồn tĩnh mạch	C1

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
121	Verschreibungspflichtig B2 <i>/fɛʁ'ʃʁaɪbʊŋs,pfliçtɪç/</i>	Chỉ bán theo đơn	B1-B2
122	die Vorsorge B2 <i>/di: 'fo:ʁ,zʊʁgə/</i>	biện pháp phòng xa	B1-B2
123	das Labor B1 <i>/das la'bo:ʁ/</i> số nhiều die Labore	Phòng thí nghiệm	B1-B2
124	die Rehabilitation B2 <i>/di: ʁehabilita'tsjɔ:n/</i> số nhiều die Rehabilitationen	Phục hồi chức năng	B1-B2
125	die Psychotherapie B2 <i>/di: ,psɪçotɛʁa'pi:/</i> số nhiều die Psychotherapien	Liệu pháp tâm lý	B1-B2
126	die Intensivstation B2 <i>/di: ʔIntɛn'zi:fʃta,tʃjɔ:n/</i> số nhiều die Intensivstationen	Đơn vị chăm sóc đặc biệt	B1-B2
127	das Gesundheitsamt B1 <i>/das gə'zʊnthʌɪts,ʔamt/</i> số nhiều die Gesundheitsämter	Sở Y tế	B1-B2
128	das Gesundheitswesen B2 <i>/das gə'zʊnthʌɪts,ve:zŋ/</i>	Chăm sóc sức khỏe	B1-B2
129	die Fitness A2 <i>/di: 'fɪtnɛs/</i>	Thể lực	A1-A2
130	die Mikrodermabrasion C2 <i>/di: ,mi:kʁodɛʁmʔabʁa'zjɔ:n/</i> số nhiều die Mikrodermabrasionen	Vi phẫu mài mòn da	C1
131	die Desinfektion B2 <i>/di: dɛsʔɪnfɛk'tsjɔ:n/</i> số nhiều die Desinfektionen	Khử trùng bề mặt	B1-B2
132	die Pandemie B2 <i>/di: pande'mi:/</i> số nhiều die Pandemien	Đại dịch toàn cầu	B1-B2
133	die Quarantäne B2 <i>/di: kaʁan'tɛ:nə/</i> số nhiều die Quarantänen	Cách ly	B1-B2
134	die Pille A2 <i>/di: 'pɪlə/</i> số nhiều die Pillen	Viên tròn	A1-A2
135	die Chirurgie B2 <i>/di: çɪʁʊʁ'gi:/</i>	Ngành ngoại khoa	B1-B2
136	die Blutspende B1 <i>/di: 'blu:t,ʃpɛndə/</i> số nhiều die Blutspenden	Việc hiến máu	B1-B2
137	die Organspende B2 <i>/di: ʔɔʁ'ga:n,ʃpɛndə/</i> số nhiều die Organspenden	Hiến tạng nội tạng	B1-B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
138	das Cholesterin B2 <i>/das kolɛstɐ'ʰi:n/</i>	Cholesterol	B1-B2
139	die Chemotherapie B2 <i>/di: ʃɛ:motɐʁa'pi:/</i> số nhiều die Chemotherapien	Hóa trị	B1-B2
140	die Kalorie B1 <i>/di: kalo'ʰi:/</i> số nhiều die Kalorien	Calo	A1-A2
141	der Tumor B2 <i>/de:ɐ̯ 'tu:mɔ:ɐ̯/</i> số nhiều die Tumoren	Khối u	B1-B2
142	die Dosierung B2 <i>/di: do'zi:ʁʊŋ/</i> số nhiều die Dosierungen	Liều lượng	B1-B2
143	die Überdosis B2 <i>/di: 'ʔy:bɐ,do:zis/</i> số nhiều die Überdosen	Quá liều	B1-B2
144	Plastische Chirurgie B2 <i>/'plastɪʃə ʃiʁʊʁ'gi:/</i> die	Phẫu thuật thẩm mỹ	B1-B2
145	die Infusion B2 <i>/di: ʔɪnfu'zʊ:n/</i> số nhiều die Infusionen	Truyền dịch	B1-B2
146	die Injektion B2 <i>/di: ʔɪnjɛk'tsʊ:n/</i> số nhiều die Injektionen	Mũi tiêm	B1-B2
147	der Atemschutz B2 <i>/de:ɐ̯ 'a:təm,ʃʊts/</i>	Bảo vệ hô hấp	B1-B2
148	die Packungsbeilage B1 <i>/di: 'pakʊŋs,bəɪla:gə/</i> số nhiều die Packungsbeilagen	Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc	B1-B2
149	die Beatmung B2 <i>/di: bæ'ʔa:tmʊŋ/</i> số nhiều die Beatmungen	Hô hấp nhân tạo	B1-B2
150	das Bakterium B1 <i>/das bak'te:ʁiʊm/</i> số nhiều die Bakterien	Vi khuẩn	B1-B2
151	der Antikörper B2 <i>/de:ɐ̯ 'anti,kœʁpɐ/</i> số nhiều die Antikörper	Kháng thể	B1-B2
152	die Isolierung B2 <i>/di: ʔizo'li:ʁʊŋ/</i> số nhiều die Isolierungen	Sự cách ly	B1-B2
153	die Rezeptgebühr B2 <i>/di: ʁɛ'ʔʁɛptɐ,by:ɐ̯/</i> số nhiều die Rezeptgebühren	Phí kê đơn	B1-B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
154	die Sterilisation C1 <i>/di: ʃtɛʁɪlɪza'tsjo:n/</i> số nhiều die Sterilisationen	Tiệt trùng hoàn toàn	B1-B2
155	die Wechselwirkung B2 <i>/di: 'vɛksəl,vɪʁkʊŋ/</i> số nhiều die Wechselwirkungen	Tương tác thuốc	B1-B2
156	die Inkubationszeit C1 <i>/di: ʔɪnkuba'tsjo:ns,tʃaɪt/</i> số nhiều die Inkubationszeiten	Thời gian ủ bệnh	B1-B2
157	der Infektionsschutz B2 <i>/de:ɐ̯ ɪnfɛk'tsjo:ns,ʃʊts/</i>	Bảo vệ chống nhiễm trùng	B1-B2
158	das Botox B2 <i>/das 'bo:tɔks/</i>	Botox	B1-B2
159	die Laserbehandlung B2 <i>/di: 'le:zebə,handlʊŋ/</i> số nhiều die Laserbehandlungen	Điều trị bằng laser	B1-B2
160	das Implantat B2 <i>/das ɪmplan'ta:t/</i> số nhiều die Implantate	Vật cấy ghép	B1-B2
161	die Prothese B2 <i>/di: pʁo'te:zə/</i> số nhiều die Prothesen	Chân tay giả	B1-B2
162	die Zuzahlung B2 <i>/di: 'tsu:,tʃa:lʊŋ/</i> số nhiều die Zuzahlungen	Đồng thanh toán	B1-B2

Nghe từng từ và luyện tập miễn phí: <https://languageminute.com/vi/learn/de/topic/103-suc-khoe>

German Minute: <https://apps.apple.com/app/id6749515334>